

UNIT 3. MANY COLORS

LESSON 2. COLORS

Exercise 1. Match the word with the picture. (Nối từ với tranh)

orange

pink

brown

purple



nâu



cam







Hồng



tím

Exercise 2. Read and tick ✓ true/false. (Chọn Đúng/ sai)

		True	False
1. It's brown.	 cam		
2. It's pink.	 hồng		
3. It's purple.	 tím		
4. It's orange.	 nâu		

Exercise 4. Match. (Nối câu với đồ vật tương ứng)

cam

a



What color is it?

1 It's brown.

2. It's purple.

3. It's orange.

4. It's pink.

b

nâu



hồng

c



tím

d

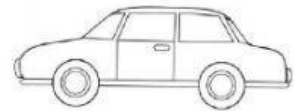
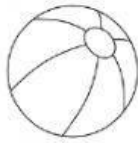


Exercise 5. Read and color the things. (Đọc đoạn văn và tô màu đồ vật được miêu tả)

Hello. My name is Danny. I have a balloon. It is pink.

I have a car. It is brown. I have a yo-yo. It is purple.

I have a ball. It is orange. I love my toys so much. Can you color them?



Exercise 5 . Look and trace. (nhìn tranh và viết từ)

nâu



cam



Hồng



tím



What color is it? Nó màu gì thế?

It's pink. Nó màu hồng (It's = It is)